

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÌNH CHÁNH  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc.**

Bản án số: 288/2022/HNGĐ-ST  
Ngày: 22-04-2022  
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH,  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH.**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thị Duy Linh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Thị Nga
2. Bà Nguyễn Thị Nguyên

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Hiền – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa:** Nguyễn Thị Thúy Hiền – Kiểm sát viên.

Vào ngày 22 tháng 4 năm 2022 tại phòng xử án, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 453/2021/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 05 năm 2021 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 ngày 04 tháng 2022 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1987.

Hộ khẩu thường trú: 33 Đường số 3, khu phố 4, phường B, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi cư trú: D11/1M ấp 4, xã V, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

**2. Bị đơn:** Ông **Thi Văn H**, sinh năm 1984.

Hộ khẩu thường trú: 33 Đường số 3, khu phố 4, phường B, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi cư trú: D11/1F ấp 4, xã V, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà N, ông H có mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Tại đơn xin ly hôn ngày 06/04/2021, bản tự khai ngày 19/10/2021, biên bản hòa giải ngày 31/3/2022 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:***

Bà và ông Thi Văn H quen biết do tự tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh vào năm 2008. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2009 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng thường xuyên cãi nhau, tính tình không hợp, ông H không biết lo cho gia đình, mỗi khi ông H nhậu về là không kiểm soát được bản thân, thường xuyên chửi mắng vợ con vô cớ, có khi dùng hung khí đánh đập bà. Bà và ông H đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2021 đến nay. Nay bà yêu cầu ly hôn với ông H.

Về con chung: Bà và ông H có 02 (hai) con chung tên Thi Nguyễn Gia H, sinh ngày: 19/09/2008 và Thi Nguyễn Gia H1, sinh ngày 30/7/2010. Khi ly hôn, bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai trẻ Gia H và Gia H1, không yêu cầu ông Thi Văn H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Ngoài ra bà không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

***Tại bản tự khai ngày 19/10/2021, biên bản hòa giải ngày 31/03/2022 và tại phiên tòa bị đơn ông Thi Văn H trình bày:***

Ông và bà Nguyễn Thị N tự quen biết, tìm hiểu nhau và chung sống với nhau từ năm 2007 có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Vợ chồng hay xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn do ông làm ăn thất bại nên tinh thần ông bị stress, mỗi khi nhậu ông không kiểm soát được hành động và lời nói của mình dẫn đến chửi mắng và đánh đập vợ, tuy nhiên ông còn thương vợ muốn vợ chồng đoàn tụ để chăm lo cho con cái. Hiện ông và bà N đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2021 đến nay. Nay bà N yêu cầu ly hôn thì ông không đồng ý ly hôn với bà N, ông còn thương vợ thương con nên yêu cầu Tòa án hòa giải đoàn tụ.

Về con chung: Có 02 (hai) con chung tên Thi Nguyễn Gia H, sinh ngày: 19/09/2008 và Thi Nguyễn Gia H1, sinh ngày 30/7/2010. Hiện nay con chung đang sống với bà Nguyễn Thị N. Trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn thì ông đồng ý giao hai con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi trẻ 2.500.000 đồng/tháng vào ngày 01 dương lịch hàng tháng và bắt đầu thực hiện từ ngày 01.5.2022 cho đến khi chấm dứt việc cấp dưỡng theo quy định.

Tài sản chung, nợ chung: ông xác nhận không có.

Ngoài ra, ông không có ý kiến, yêu cầu gì khác.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh** phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến giải quyết vụ án về nội dung như sau:

Căn cứ vào Điều 21, Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; căn cứ Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị N đối với ông Thi Văn H. Giao trẻ Thi Nguyễn Gia H, sinh ngày: 19/09/2008 (Giới tính: Nữ) và Thi Nguyễn Gia H1, sinh ngày 30/7/2010 (Giới tính: Nam) cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng. Ông H cấp dưỡng nuôi con mỗi trẻ 2.500.000 đồng/tháng. Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Nguyễn Thị N khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Thi Văn H. Ông H có nơi cư trú tại huyện C nên căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về quan hệ vợ chồng: Bà Nguyễn Thị N và ông Thi Văn H chung sống có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 77 quyền số 01/2008 ngày 02/04/2008. Do đó, có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông H là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3] Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.”*

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bà N và ông H cùng xác nhận mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, vợ chồng thường xuyên cãi vã, ông H hay nhậu dẫn đến vợ chồng xô xát, tình cảm vợ chồng không còn, ông bà đã sống ly thân với nhau từ tháng 4/2021 cho đến nay. Kết quả xác minh của Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh xác nhận: Trong quá trình chung sống với nhau, Bà N và ông H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, hiện tại bà N không còn cư trú tại địa chỉ D11/1F, ấp 4A, xã V, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Tại phiên tòa, ông H xác nhận mỗi khi

ông nhậu vào là không kiểm soát được tinh thần dẫn đến đánh chửi vợ con vô cớ. Do đó, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định giữa bà N và ông H có mâu thuẫn, ông H có hành vi bạo lực gia đình, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Vợ chồng chung sống nhưng không thể xây dựng được gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, bền vững thì việc tồn tại quan hệ hôn nhân đó đã không đạt được mục đích của hôn nhân. Ông H yêu cầu đoàn tụ nhưng không đưa ra được phương án, giải pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng nên yêu cầu đoàn tụ của ông H là không có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N với ông H.

[5] Về con chung: Có 02 (hai) con chung tên Thi Nguyễn Gia H, sinh ngày: 19/09/2008 (Giới tính: Nữ) và Thi Nguyễn Gia H1, sinh ngày 30/7/2010 (Giới tính: Nam).

[6] Khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 7 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”*.

[7] Tại văn bản trình bày nguyện vọng của trẻ Thi Nguyễn Gia H và trẻ Thi Nguyễn Gia H1 ngày 19/10/2021 thể hiện trẻ Gia H và trẻ Gia H1 có nguyện vọng sống với bà N. Tại phiên tòa bà N có nguyện vọng được nuôi hai con chung và ông H cũng đồng ý giao hai con chung cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn. Do đó, nhằm bảo đảm quyền lợi về mọi mặt cho trẻ Gia H và trẻ Gia H1, Hội đồng xét xử quyết định giao trẻ Gia H và trẻ Gia H1 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng.

[8] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Khoản 1 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên,...”*. Khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”*.

[9] Việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là trách nhiệm nghĩa vụ của cả bà N và ông H. Tại phiên tòa ông H tự nguyện cấp dưỡng nuôi hai con chung mỗi trẻ 2.500.000 đồng/tháng, bà N đồng ý với yêu cầu cấp dưỡng của ông H, xét thấy đây là sự tự nguyện của bà N, ông H và không trái luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

[10] Về tài sản chung và nợ chung: Bà N và ông H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[11] Về án phí: Bà Nguyễn Thị N, ông Thi Văn H chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 19, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

#### **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị N đối với ông Thi Văn H.

1.1. Bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Thi Văn H.

1.2. Giấy chứng nhận kết hôn số 77 Quyền số 01/2008 do Ủy ban nhân dân phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 02/04/2008 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Có 02 (hai) con chung tên Thi Nguyễn Gia H, sinh ngày: 19/09/2008 (Giới tính: Nữ) và Thi Nguyễn Gia H1, sinh ngày 30/7/2010 (Giới tính: Nam). Hiện trẻ Gia H và trẻ Gia H1 đang sống cùng bà N.

2.1 Giao trẻ Thi Nguyễn Gia H, sinh ngày: 19/09/2008 (Giới tính: Nữ) và Thi Nguyễn Gia H1, sinh ngày 30/7/2010 (Giới tính: Nam) cho bà Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng.

2.3. Ông Thi Văn H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho hai trẻ Thi Nguyễn Gia H và Thi Nguyễn Gia H1 mỗi trẻ mỗi tháng 2.500.000 (hai triệu năm trăm ngàn) đồng. Việc cấp dưỡng được thực hiện vào ngày 01 (một) dương lịch của tháng cho đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, bắt đầu thực hiện việc cấp dưỡng từ ngày 01/5/2022.

Thi hành tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp ông H chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

Ông H có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục

con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà N và ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết. Nếu sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết trong một vụ án khác.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị N chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (ba trăm ngàn) đồng mà bà N nộp theo biên lai thu số AA/2019/0081378 ngày 16/04/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà N đã nộp đủ án phí.

Ông Thi Văn H phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bà N, ông H có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

6. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND TP. HCM; (1)
- VKSND H. BC; (2)
- Chi cục THADS H.BC; (1)
- UBND phường B, quận T, TP.HCM; (1)
- Các đương sự; (2)
- Lưu: hồ sơ, VT. (3)



**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Đỗ Thị Duy Linh**